

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 8
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 489/2026/DS-ST
Ngày: 28-7-2026
V/v Tranh chấp hợp đồng
tín dụng

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Mỹ Linh

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Nguyễn Thị Thu Hiền.
- Bà Võ Thị Thanh Thu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Phúc – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8 – Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 8 tham gia phiên tòa: Bà Phùng Thị Ngọc Duyên – Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 28 tháng 7 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8 – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 773/2025/TLST-DS ngày 28 tháng 10 năm 2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 497/2026/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 6 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 404/2026/QĐST-DS ngày 02 tháng 7 năm 2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty T1 (Việt Nam)

Địa chỉ trụ sở chính: I P, phường S, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lee Yun H - Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Đại diện ủy quyền: Công ty L1.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty L1 Niềm Tin: Ông Nguyễn Tất T, Chức vụ: Giám đốc.

Địa chỉ: P, Tầng D, Tòa nhà số G T, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Theo Giấy ủy quyền số 22/2025/GUQ-MAFC ngày 17/4/2025)

Người đại diện theo ủy quyền lại: Ông Nguyễn Phạm Thành N, sinh năm 2000 - Chức vụ: Chuyên viên pháp lý Công ty L2 (có đơn xin vắng mặt).

CCCD số: 080200012971, ngày cấp: 12/11/2021, nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Địa chỉ: P, Tầng D, Tòa nhà số G T, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Theo Giấy ủy quyền ngày 17/4/2025 của Công ty L1).

- Bị đơn: Bà Lê Thị Mỹ H1, sinh năm 1995 (vắng mặt).

CCCD số: 079195025997, ngày cấp: 13/01/2023, nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Địa chỉ: Tổ I, ấp T, xã C, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 28/7/2025; các bản tự khai; Biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ ngày 05/02/2026, ngày 21/4/2026; Biên bản về việc không tiến hành hòa giải được ngày 05/02/2026, ngày 21/4/2026; đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Phạm Thành N trình bày:

Ngày 28/04/2023, Công ty T1 (Việt Nam) (sau đây gọi tắt là Công ty T1) ký Đề nghị vay vốn kèm hợp đồng tín dụng số: 4576414 (sau đây gọi tắt là Hợp đồng tín dụng) về việc cấp tín dụng cho bà Lê Thị Mỹ H1 với khoản vay trị giá 21.540.000 đồng (gồm 20.000.000 đồng giải ngân ngày 28/04/2023 qua số tài khoản 99409812999 mở tại Ngân hàng Standard Chartered và 1.540.000 đồng tiền bảo hiểm khoản vay), lãi suất 43%/năm; thời hạn vay: 36 tháng.

Sau khi ký kết, ngày 28/04/2023, công ty T1 đã giải ngân theo đúng số tiền quy định trong Hợp đồng tín dụng cho bà Lê Thị Mỹ H1. Theo hợp đồng tín dụng, bà Lê Thị Mỹ H1 có nghĩa vụ thanh toán hàng tháng cho công ty trong kỳ hạn 36 tháng, kể từ ngày 25/05/2023 đến ngày 25/04/2026.

Sau khi được giải ngân Bà Lê Thị Mỹ H1 đã thanh toán 11.623.527 đồng (Trong đó: Gốc đã trả: 0 đồng (do Tại điều 3 Phần A của HĐTD có thể hiện tại phần sản phẩm vay là hợp đồng TOPUP (vay thêm/vay bổ sung) là thỏa thuận tín dụng cho phép khách hàng đang có khoản vay tại Công ty được vay thêm một khoản tiền mới dựa trên dư nợ đã trả. Đặc điểm của loại hợp đồng này là chỉ trừ vào tiền gốc của hợp đồng này khi đã tất toán hợp đồng vay trước đó (Khách hàng thực hiện đóng tiền theo lịch thanh toán có thể hiện rõ các khoản tiền cần phải đóng tại điều 4 Phần B trong HĐTD); L đã trả: 11.444.531 đồng; Phí thu hộ đã trả: 168.000 đồng). Tuy nhiên, từ ngày 14/06/2024 bà Lê Thị Mỹ H1 đã không thanh toán đầy đủ theo nghĩa vụ hợp đồng đối với khoản vay mà phía Công ty T1 đã giải ngân. Do đó, kể từ ngày 13/6/2024 (kỳ thanh toán thứ 13) công ty bắt đầu tính nợ quá hạn đối với từng kỳ thanh toán mà bà Lê Thị Mỹ H1 vi phạm.

Do đã gửi thông báo nhắc nợ nhưng bà Lê Thị Mỹ H1 vẫn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng tín dụng cho phía Công ty T1 nên Công ty T1

đã nộp đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tuyên buộc cá nhân bà Lê Thị Mỹ H1 thanh toán cho Công ty T1 tổng cộng số tiền gốc và lãi tính đến ngày 06/02/2025 là: 27.146.058 đồng. (Trong đó: Số dư nợ gốc còn lại chưa thanh toán: 21.540.000 đồng; Số tiền lãi trong hạn: 5.430.443 đồng; Số tiền lãi quá hạn: 21.316 đồng; Số tiền lãi chậm trả: 154.299 đồng).

Đồng thời yêu cầu bà Lê Thị Mỹ H1 phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số: 4576414 ngày 28/04/2023 của bà Lê Thị Mỹ H1 kể từ ngày 07/02/2025 cho đến ngày trả hết nợ cho Công ty T1 (Việt Nam). Yêu cầu bà Lê Thị Mỹ H1 thanh toán một lần số tiền gốc và lãi còn nợ trên ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Đối với bị đơn bà Lê Thị Mỹ H1, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Giấy triệu tập nhưng bà Lê Thị Mỹ H1 không đến Tòa án để tham gia vụ kiện. Do đó, vụ án được đưa ra xét xử để Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

Tại phiên tòa hôm nay:

Đại diện nguyên đơn ông Nguyễn Phạm Thành N có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nhưng đã có bản tự khai trình bày ý kiến vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện trong đơn khởi kiện và không bổ sung chứng cứ nào khác, yêu cầu chấm dứt Hợp đồng trước thời hạn và yêu cầu Tòa án buộc bị đơn Bà Lê Thị Mỹ H1 phải trả số tiền gốc và lãi tạm tính đến ngày 28/7/2026 (ngày xét xử sơ thẩm) là 45.540.704 đồng. Trong đó: Số dư nợ gốc còn lại chưa thanh toán: 21.540.000 đồng; số tiền lãi trong hạn chưa thanh toán: 11.053.880 đồng; số tiền lãi quá hạn chưa thanh toán: 11.382.782 đồng; số tiền lãi chậm trả chưa thanh toán: 1.564.042 đồng và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 29/7/2026 cho đến khi thanh toán xong hết nợ gốc theo hợp đồng tín dụng đã ký kết. Yêu cầu thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Về phía bị đơn bà Lê Thị Mỹ H1, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng bị đơn bà Lê Thị Mỹ H1 vẫn vắng mặt không lý do.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 – Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến như sau:

Về thủ tục tố tụng dân sự: Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định tại Điều 26, Điều 35, Điều 39 về thẩm quyền thụ lý vụ án. Sau khi thụ lý vụ án, Thẩm phán đã ban hành thông báo thụ lý vụ án giao cho Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 – Thành phố Hồ Chí Minh và đương sự theo đúng quy định tại Điều 196 Bộ luật tố tụng dân sự. Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự về việc tiến hành lập hồ sơ hòa giải, gửi quyết định đưa vụ án ra xét xử đến Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 – Thành phố Hồ Chí Minh, tổng đạt các văn bản tố tụng và gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng thời hạn tại Điều

220 Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, còn vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử, thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ được quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty T1.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Công ty T1 (Việt Nam) khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Lê Thị Mỹ H1 thanh toán cho Công ty số tiền gốc và lãi còn nợ theo hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết nên quan hệ pháp luật tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” căn cứ khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2025 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Bị đơn bà Lê Thị Mỹ H1 có nơi cư trú tại xã C, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 8 – Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2025 và Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao ngày 27/6/2025 hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân.

[2] Về sự tham gia của các đương sự

Đối với đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Phạm Thành N sau khi cung cấp lời khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, ông có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử nhận thấy việc vắng mặt của ông Nguyễn Phạm Thành N không gây ảnh hưởng hoặc làm thay đổi nội dung vụ án và phù hợp với Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2025 nên có cơ sở chấp nhận.

Đối với bị đơn bà Lê Thị Mỹ H1: Tòa án nhân dân khu vực 8 – Thành phố Hồ Chí Minh đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Giấy triệu tập, Quyết định đưa vụ án ra xét xử để thông báo thời gian mở phiên tòa vào lúc 9 giờ 30 phút, ngày 02/7/2026 nhưng bà Lê Thị Mỹ H1 vắng mặt; Tòa án đã ra Quyết định hoãn phiên tòa và ấn định thời gian mở lại phiên tòa vào lúc 9 giờ 30 phút ngày 28/7/2026 nhưng hôm nay bà Lê Thị Mỹ H1 vẫn vắng mặt. Do vậy, Tòa án

xét xử vắng mặt bà Lê Thị Mỹ H1 là phù hợp với quy định Điều 227 Bộ Luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Nguyên đơn Công ty T1 (Việt Nam) khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Lê Thị Mỹ H1 thanh toán tổng số tiền gốc và lãi còn nợ tạm tính đến ngày 28/7/2026 (ngày xét xử sơ thẩm) là 45.540.704 đồng. Trong đó: Số dư nợ gốc còn lại chưa thanh toán: 21.540.000 đồng; số tiền lãi trong hạn chưa thanh toán: 11.053.880 đồng; số tiền lãi quá hạn chưa thanh toán: 11.382.782 đồng; số tiền lãi chậm trả chưa thanh toán: 1.564.042 đồng và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 29/7/2026 cho đến khi thanh toán xong hết nợ gốc theo hợp đồng tín dụng đã ký kết. Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1] Căn cứ Giấy đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 4576414 ngày 28/04/2023, Phiếu báo nợ giải ngân tiền vào tài khoản; Bảng Tóm tắt sao kê và các tài liệu khác do Công ty cung cấp thì có cơ sở xác định: Vào ngày 28/04/2023, giữa Công ty T1 (Việt Nam) và bà Lê Thị Mỹ H1 đã ký hợp đồng tín dụng số 4576414, theo đó Công ty T1 (Việt Nam) cấp tín dụng cho bà Lê Thị Mỹ H1 với khoản vay trị giá 21.540.000 đồng (gồm 20.000.000 đồng giải ngân ngày 28/4/2024 qua số tài khoản 99409812999 mở tại Ngân hàng Standard Chartered và 1.540.000 đồng tiền bảo hiểm khoản vay), lãi suất 43%/năm; hình thức vay là tín chấp, Bà Lê Thị Mỹ H1 có trách nhiệm trả góp hàng tháng trong kỳ hạn 36 tháng kể từ ngày 25/05/2023 đến ngày 25/04/2026. Như vậy, giao kết giữa nguyên đơn Công ty T1 và bị đơn bà Lê Thị Mỹ H1 là phù hợp với Điều 463 của Bộ luật dân sự 2015 nên có giá trị pháp lý làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên.

Căn cứ vào lịch sử thanh toán và xác nhận từ phía Công ty có căn cứ xác định sau khi được giải ngân, bà Lê Thị Mỹ H1 đã thanh toán số tiền 11.623.527 đồng (Trong đó: Gốc đã trả: 0 đồng (do Tại điều 3 Phần A của HĐTD có thể hiện tại phần sản phẩm vay là hợp đồng TOPUP (vay thêm/vay bổ sung) là thỏa thuận tín dụng cho phép khách hàng đang có khoản vay tại Công ty được vay thêm một khoản tiền mới dựa trên dư nợ đã trả. Đặc điểm của loại hợp đồng này là chỉ trừ vào tiền gốc của hợp đồng này khi đã tất toán hợp đồng vay trước đó (Khách hàng thực hiện đóng tiền theo lịch thanh toán có thể hiện rõ các khoản tiền cần phải đóng tại điều 4 Phần B trong HĐTD); L đã trả: 11.444.531 đồng; Phí thu hộ đã trả: 168.000 đồng), ngày 13/6/2024 là ngày thanh toán cuối cùng. Bà Lê Thị Mỹ H1 đã ngưng không thanh toán tiền gốc và lãi cho Công ty là vi phạm nghĩa vụ thanh toán, vi phạm thỏa thuận đã ký kết.

Do vậy, Công ty khởi kiện yêu cầu bà Lê Thị Mỹ H1 thanh toán một lần tổng số tiền gốc còn nợ là 21.540.000 đồng là phù hợp với khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 nên có căn cứ chấp nhận.

[3.2] Đối với yêu cầu tính lãi:

Công ty T1 (Việt Nam) yêu cầu bà Lê Thị Mỹ H1 có trách nhiệm thanh toán tiền lãi tính từ ngày phát sinh giao dịch đến ngày 28/7/2026 (ngày xét xử sơ

thâm) là 24.000.704 đồng. Trong đó: Số tiền lãi trong hạn chưa thanh toán: 11.053.880 đồng; số tiền lãi quá hạn chưa thanh toán: 11.382.782 đồng; số tiền lãi chậm trả chưa thanh toán: 1.564.042 đồng; đồng thời thanh toán tiền lãi phát sinh kể từ ngày 29/7/2026 cho đến khi thanh toán xong hết nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký kết. Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ vào Giấy đề nghị vay vốn kèm hợp đồng tín dụng số 4576414 ngày 28/04/2023; Báo cáo về khung lãi suất cho vay tiêu dùng số 190/2023/BC-MAFC ngày 03/3/2023 thể hiện lãi suất tại thời điểm vay vốn là 43%/năm. Đồng thời, theo thỏa thuận giữa các bên tại mục 8.3 Giấy đề nghị vay vốn kèm hợp đồng tín dụng thì khi bà Lê Thị Mỹ H1 vi phạm nghĩa vụ thanh toán thì Công ty được quyền chấm dứt hợp đồng trước thời hạn và tiến hành việc thu hồi toàn bộ nợ, áp dụng lãi suất nợ quá hạn là 150% của lãi suất được công bố áp dụng tại thời điểm hiện tại đối với toàn bộ dư nợ.

Do vậy, việc Công ty T1 (Việt Nam) yêu cầu bà Lê Thị Mỹ H1 thanh toán tiền lãi tạm tính đến ngày 28/7/2026 là 24.000.704 đồng. Trong đó: Số tiền lãi trong hạn chưa thanh toán: 11.053.880 đồng; số tiền lãi quá hạn chưa thanh toán: 11.382.782 đồng; số tiền lãi chậm trả chưa thanh toán: 1.564.042 đồng; đồng thời thanh toán tiền lãi phát sinh kể từ ngày 29/7/2026 cho đến khi thanh toán xong hết nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký kết là có căn cứ chấp nhận.

Đối với bị đơn bà Lê Thị Mỹ H1, tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quy định: *“Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ”*. Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ bà Lê Thị Mỹ H1 đến trụ sở Tòa án để giải quyết vụ án, nhưng bà Lê Thị Mỹ H1 vắng mặt không lý do. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào những chứng cứ đã thu thập được trong hồ sơ để giải quyết vụ án.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy, nguyên đơn Công ty T1 yêu cầu bị đơn bà Lê Thị Mỹ H1 thanh toán số tiền gốc và lãi còn nợ tạm tính đến 28/7/2026 là 45.540.704 đồng. Trong đó: Số dư nợ gốc còn lại chưa thanh toán: 21.540.000 đồng; số tiền lãi trong hạn chưa thanh toán: 11.053.880 đồng; số tiền lãi quá hạn chưa thanh toán: 11.382.782 đồng; số tiền lãi chậm trả chưa thanh toán: 1.564.042 đồng và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 29/7/2026 cho đến khi thanh toán xong hết nợ gốc theo hợp đồng tín dụng đã ký kết là có căn cứ chấp nhận.

[4] Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 – Thành phố Hồ Chí Minh là có căn cứ và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn bà Lê Thị Mỹ H1 chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 266; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2025;

- Áp dụng Điều 463; Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017);

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ Điều 7, Điều 8, Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty T1 (Việt Nam).

Buộc bà Lê Thị Mỹ H1 có trách nhiệm thanh toán cho Công ty T1 (Việt Nam) số tiền gốc và lãi (lãi tạm tính đến ngày 28/7/2026) còn nợ theo Giấy đề nghị vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng số 4576414 ngày 28/04/2023 là 45.540.704 (Bốn mươi lăm triệu năm trăm bốn mươi ngàn bảy trăm lẻ bốn) đồng. Trong đó:

- Nợ gốc: 21.540.000 (Hai mươi một triệu năm trăm bốn mươi ngàn) đồng.

- Số tiền lãi trong hạn: 11.053.880 (Mười một triệu không trăm năm mươi ba ngàn tám trăm tám mươi) đồng.

- Số tiền lãi quá hạn: 11.382.782 (Mười một triệu ba trăm tám mươi hai ngàn bảy trăm tám mươi hai) đồng.

- Số tiền lãi chậm trả: 1.564.042 (Một triệu năm trăm sáu mươi bốn ngàn không trăm bốn mươi hai) đồng.

Tiền lãi vẫn tiếp tục phát sinh tính trên số dư nợ gốc tính từ ngày 29/7/2026 cho đến khi bà Lê Thị Mỹ H1 thanh toán xong số nợ gốc theo Giấy đề nghị vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng số 4576414 ngày 28/04/2023 giữa Công ty T1 (Việt Nam) và bà Lê Thị Mỹ H1.

Việc thanh toán các khoản tiền được thi hành một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc Bà Lê Thị Mỹ H1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.277.035 (hai triệu, hai trăm bảy mươi bảy ngàn, không trăm ba mươi lăm) đồng, thi hành tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Hoàn trả cho Công ty T1 (Việt Nam) số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 678.652 (Sáu trăm bảy mươi tám ngàn sáu trăm năm mươi hai) đồng

theo biên lai thu tiền số 0031747 ngày 28/10/2025 của Thi hành án dân sự khu vực 8 – Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2025 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 8, 36 và Điều 72 Luật Thi hành án dân sự năm 2025. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 34 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND KV 8 -TP.HCM;
- THA DS TP.HCM;
- Phòng THADS KV 8 – TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ.

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**



Dương Thị Mỹ Linh